TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2025/DS-ST
Ngày: 11-9-2025
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tư

2. Bà Lê Thị Tú Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ái Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025 về "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1971; nơi cư trú: Khu phố V, phường X, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên hệ: Số E, đường M, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Thái Thị G, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Ấp H, Xã H, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên lạc: Số A, đường N, Phường L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 26/5/2007; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Bà G và bà T1 là người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Lê Văn T (giấy ủy quyền đề ngày 27/7/2025) (bà G, bà T1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

** Bị đơn:*

+ Ông **Phùng Minh H**, sinh năm 1977; nơi cư trú**:** Số D, khóm A, phường L, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông **Nguyễn Bảo Q**, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số I, Tân Quới H g, phường L, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(Hiện nay ông Q và ông H đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 Công an tỉnh V)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 09/6/2025 của ông Lê Văn T và quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà G trình bày:*

Trong quá trình kinh doanh và mua bán bất động sản ông H và ông Q cần thêm vốn đầu tư nên có liên hệ ông T để vay tiền. Ngày 02/12/2022, ông H và ông Q có vay của ông T số tiền là 320.000.000đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng); thời gian trả: Chậm nhất ngày 15/12/2022; thoả thuận lãi suất vay bằng miệng 20%/năm. Ông Q và ông H vay tiền của ông T thì không có thế chấp tài sản hay áp dụng bất kỳ hình thức nào để bảo đảm tiền vay. Đến hạn trả nợ nhưng ông H và ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông T đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông H và ông Q không thực hiện.

Để đảm bảo quyền nghĩa vụ trả nợ cho ông T, ông H có lập "*giấy mượn tiền đề ngày 02/12/2022*", giấy mượn tiền có ghi nội dung xác nhận ông Q thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh ông Q cùng trả nợ với ông H, ông T đã giao tiền mặt trực tiếp cho ông H và ông Q. Từ khi vay đến nay ông Phùng Minh H và ông Nguyễn Bảo Q chưa trả vốn gốc và lãi, hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả, thời gian sau ông Phùng Minh H và ông Nguyễn Bảo Q bị tạm giam không gặp được nên, ông T khởi kiện yêu cầu:

Buộc ông Phùng Minh H và ông Nguyễn Bảo Q trả số tiền gốc là 320.000.000đồng tính từ ngày 02/12/2022 đến ngày khởi kiện (ngày 09/6/2025) là 02 năm 06 tháng 07 ngày, lãi suất tạm tính là 20%/năm (tháng là 1,66%) tổng số tiền lãi ông T yêu cầu ông H và ông Q phải trả là 134.551.467đồng, ông T yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày ông Phùng Minh H và ông Nguyễn Bảo Q trả hết nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy mượn tiền ghi người mượn là ông Phùng Minh H và người bảo lãnh là ông Nguyễn Bảo Q. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

* *Đối với bị đơn ông Phùng Minh H:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông H có ý kiến tại biên bản ghi lời khai ngày 13/8/2025, như sau: Ông H xin vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải; ông H không nhớ vay tiền của ông T, tuy nhiên chữ viết và chữ ký tại giấy mượn tiền đúng là chữ ký của ông H; ông H và ông Q là chỗ bạn bè thân quen; ông H không nhớ ai là người nhận tiền, lãi suất cho vay là bao nhiêu, nhưng ông H là người viết biên nhận và ký tên nên ông H đồng ý trả nợ cho ông T. Nay, ông T yêu cầu ông H và ông Q cùng liên đới có nghĩa vụ trả nợ cho ông T thì ông H đồng ý trả nợ gốc và đề nghị ông T xem xét không trả lãi, nếu ông T vẫn yêu cầu trả lãi thì ông H đồng ý trả cho

ông T. Về số tiền ông H và ông Q trả cho ông T thì ông H và ông Q tự thương lượng với nhau, không yêu cầu toà án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Nguyễn Bảo Q:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông Q có ý kiến tại biên bản ghi lời khai ngày 13/8/2025, như sau: Ông Quốc xin vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải; ông H vay tiền và ông Q ký bảo lãnh nếu ông H không trả được tiền cho ông T thì ông Q sẽ thay mặt ông H trả cho ông T; ông Q không nhớ ông H ký giấy mượn tiền và ông Q ký bảo lãnh khi nào, tại đâu. Tuy nhiên chữ viết và chữ ký tại giấy mượn tiền đúng là chữ ký của ông Q; ông Q và ông H là chỗ bạn bè thân quen, làm ăn chung; ông Q không nhớ ai là người nhận tiền, lãi suất cho vay là bao nhiêu, nhưng ông Q là người ký bảo lãnh viết nội dung bảo lãnh và ký tên nên ông Q đồng ý cùng liên đới trách nhiệm trả nợ cho ông T. Nay, ông T yêu cầu ông Q và ông H cùng liên đới có nghĩa vụ trả nợ cho ông T thì ông Q đồng ý trả nợ gốc và đề nghị ông T xem xét không trả lãi, nếu ông T vẫn yêu cầu trả lãi thì ông Q đồng ý trả cho ông T. Về số tiền ông Q và ông H trả cho ông T thì ông Q và ông H tự thương lượng với nhau, không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

** Bà Thái Thị G và bà Nguyễn Ngọc T1 là người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày, như sau:*

Yêu cầu ông Phùng Minh H và ông Nguyễn Bảo Q trả số tiền gốc là 320.000.000đồng, yêu cầu trả lãi trên số tiền nợ gốc tính đến ngày 27/8/2025 là 87.205.333đồng và tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử (ngày 11/9/2025) với lãi suất là 0,83%/năm cho ông Lê Văn T.

* Ông Phùng Minh H, ông Nguyễn Bảo Q có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

** Quan điểm Kiểm sát viên:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý đơn kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 464, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn. Buộc ông Phùng Minh H và ông Nguyễn Bảo Q cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông T số tiền nợ gốc là

320.000.000đồng và nợ lãi là 88.444.800đồng (tám mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm đồng)

Buộc ông Phùng Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật,

Buộc ông Nguyễn Bảo Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật,

Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông T yêu cầu ông H và ông Q cùng liên đới trả nợ gốc là 320.000.000đồng và tiền lãi, xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; bị đơn có nơi cư trú tại phường L, tỉnh Vĩnh Long do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông T là bà Thái Thị G và bà Nguyễn Ngọc T1, ông Phùng Minh H và ông Nguyễn Bảo Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông T, ông Phùng Minh H và ông Nguyễn Bảo Q. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 186, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T.

[2.1] Về tiền nợ gốc: Ông T yêu cầu ông H, ông Q cùng liên đới trả 320.000.000đồng, chứng cứ để ông T xác định yêu cầu là giấy mượn tiền ngày 02/12/2022 có chữ ký và ghi người mượn là ông Phùng Minh H và người bảo lãnh là ông Nguyễn Bảo Q (bản chính, viết tay);

Xét về nghĩa vụ trả nợ: Giấy mượn tiền đề ngày 02/12/2022 xác định là ông H là người mượn tiền và ông Q là người bảo lãnh cho ông T khi ông H không trả nợ cho ông T thì ông Q trả nợ thay cho ông H đối với khoản nợ 320.000.000đồng này; trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai của ông H với ông Q tại trại tạm giam số 01 - Công an tỉnh V vào ngày 13/8/2025, ông H và ông Q khai: Cả hai có ký vào giấy mượn tiền và nghĩa vụ bảo lãnh, tuy nhiên ông Q và ông H không nhớ ai là người nhận tiền và đồng ý cùng liên đới trả nợ cho ông T; về số tiền ông Q và ông H có trách nhiệm cho ông T thì ông Q và ông H tự thương lượng với nhau, không yêu cầu toà án giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ lẫn nhau. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc ông H và ông Q cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc là 320.000.000đồng và nợ lãi là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về tiền nợ lãi:

Tại "*Giấy mượn tiền ngày 02/12/2022*" ông T cho ông H vay 320.000.000đồng từ ngày vay (ngày 02/12/2022) đến ngày 15/12/2022 thì phải trả nợ xác định hợp đồng vay có kỳ hạn và không có thoả thuận lãi suất; tại đơn khởi kiện ông T yêu cầu lãi suất 1,66%/tháng và tự nguyện thay đổi mức lãi suất chỉ yêu cầu 0,83%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử; ông H và ông Q thống nhất trả lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông H và ông Q trả lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử (ngày 11/9/2025) với lãi suất 0,83%/tháng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 02/12/2022 đến 11/9/2025, thành tiền: (320.000.000đồng x 0,83%/tháng x 1014 ngày) : 30 = 88.444.800đồng (tám mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm đồng)

Vì vậy, ông Phùng Minh H và ông Nguyễn Bảo Q có nghĩa vụ liên đới cùng trả cho ông Lê Văn T số tiền vốn vay và lãi là 408.444.800đồng (trong đó, nợ gốc là 320.000.000đồng; nợ lãi là 88.444.800đồng)

Nguyên đơn yêu cầu ông Q liên đới cùng ông H trả nợ lãi gốc và lãi là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Phùng Minh H và ông Nguyễn Bảo Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông Lê Văn T được chấp nhận (với mức thu 05% của giá trị tranh chấp) là 20.338.000đồng;

Ông Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí ông T đã nộp.

Xét, ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng các Điều 351, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; áp dụng các Điều 2, 5, 6, 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019; áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc buộc ông Phùng Minh H và ông Nguyễn Bảo Q có nghĩa vụ liên đới cùng trả nợ cho ông Lê Văn T.

Buộc ông Phùng Minh H và ông Nguyễn Bảo Q cùng liên đới trả cho ông Lê Văn T tổng số tiền là 408.444.800đồng (trong đó, nợ gốc là 320.000.000đồng; nợ lãi là 88.444.800đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phùng Minh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.169.000đồng (mười triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Buộc ông Nguyễn Bảo Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.169.000đồng (mười triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả ông Lê Văn T tiền tạm ứng án phí là 11.091.000đồng (mười một triệu lẻ chín mươi một nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số N^{0} 0000012 ngày 09/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát khu vực 1-Vĩnh Long;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Kim Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/ .....

2/ ..... **Đoàn Thị Kim Y**